B.21 Kinh Phạm Động

Kinh Trường A-Hàm (VNC PHVN, 2022)

21. KINH PHẠM ĐÔNG1 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ- kheo du hóa nhân gian, đến nước Ma-kiệt-đà12 rồi ngụ tại Trúc Lâm,3 nơi nghỉ dưỡng của vua.4 Lúc đó, có vị Phạm chí5 tên là Thiện Niệm67cùng với đệ tử là Phạm-ma-đạt/ hai thầy trò thường đi theo sau đức Phật. Trong khi Phạm chí Thiện Niệm dùng nhiều cách chê bai đức Phật và chúng Tỳ-kheo thì đệ tử của ông là Phạm-ma- đạt lại dùng nhiều cách tán thán Phật, Pháp và Tăng. Hai thầy trò có tâm niệm khác nhau, mâu thuẫn nhau. Vì sao như vậy? Vì mỗi người có tập quán sai khác, kiến giải sai khác và sự thân cận cũng sai khác. Lúc ấy, sau khi khất thực về, nhiều vị Tỳ-kheo nhóm họp tại giảng đường rồi cùng nhau bàn luận: Kỳ lạ thay! Kỳ diệu thay! Đức Thế Tôn có thần lực lớn, đầy đủ oai đức, biêt hét mọi tâm hướng của chúng sanh. Như hôm nay, có hai thây trò là Phạm chí Thiện Niệm và Phạm-ma-đạt cùng đi theo sau đức Phật và chúng Tăng. Trong khi Phạm chí Thiện Niệm dùng nhiều cách chê bai Phật, Pháp và Tăng thì đệ tử là Phạm-ma-đạt lại dùng nhiều cách khen ngợi Phật, Pháp

1 Nguyên tác: Phạm động kinh rgi. 0001.21. 0088bl2. Tham chiếu: Phật thuyết Phạm vông lục thập nhỉ kiến kỉnh roi.0021. 0264a20; D. l, Brahmajāla Sutta Kỉnh Phạm vông. Bản Kỉnh Trường A-hàm này có tựa đê là 4tPhạm gông"với nguyên tác Pâli là Brahmajala, có nghĩa là í4cái lươi của Phạm thien?, Phạm võng, sứ khác biệt giữa bản Pali và bản Hán có khả năng phát xuất từ 3 lý do sau. Thư nhất, có thể phát xuât từ loi truyền khau ở hậu tố jãla và cãỉa, tức là Brahrncỳâla nhưng nghe thành Brahmacâla. Thứ hai, có thể dựa vào yếu tố kỳ đặc ở phần cuối của bản kinh: Khi đức Phật thuyết giảng pháp này, đại thiên thế giới 3 lần rung chuyên với 6 cách chấn động. Thứ ba, có thể căn cứ vào mọt trong những tựa đề kinh được chính đức Phật dạy. Đức Phật dạy: '"Này A-nan, kinh này nên gọi là Nghĩa động, Pháp động, Kiên động, Ma động và Phạm đôngy Hai bộ luật quan trọng trong 6 bộ luật hiện lưu, tức là Ngũ phần luật thuộc Hóa Địa bộ và Tứ phẩn luật thuộc Pháp Tạngbộ đều ghi nhận là Phạm động kỉnh % .Xem Di-sa-tắc-bộ-hòa-ê Ngũ phần luật •7.22. 1421.30 0191a20; Tư phần luật r.22. 1428.37. 0833b25. 2 Ma-kiệt quốc Magadhā. Xem chú thích 5, kinh số 2, tr. 517. 3 Bản Hán Tống, Nguyên, Minh ghi: Trúc thôn ,địa danh nằm giữa Rājagaha, thủ phủ của Ma-kiệt-đà và NãỊandâ. 4 Nguyên tác: Tại Vương đường thượng Ambalatthikāyam rặịãrakè. Ambalatthikā là nơi nghỉ mát của vua, cũng gọi vươn Thượng uyển. 5 Phạm chí Paribbājakā chỉ cho Bà-la-môn sống thanh tịnh, cầu được sanh về cõi Phạm thiên. 6 Thiện Niệm ,Suppiya. 7 Phạm-ma-đạt Brahmadatta. Phật thuyết Phạm võng lục thập nhị kiến kinh roi. 0021. 0264a24 ghi: Phạm-đạt-ma-nạp ,Brahmadattamanava.

796 KINH TRƯỜNG A-HÀM

và Tăng, vì hai thây trò có tập quán sai khác, kiên giải sai khác và sự thân cận cũng sai khác. Lúc đó, bằng thiên nhĩ thanh tịnh thù thắng hơn người, đức Thế Tôn đang ở trong tinh thát nghe các Tỳ-kheo bàn luận như thê, Ngài rời khỏi tịnh thát đi đến giảng đường rồi ngồi trước đại chúng. Tuy đã biết nhưng Ngài vẫn hỏi: Này các Tỳ-kheo! Các thầy nhóm họp ở đây để bàn luận việc gì? [0088c02] Các Tỳ-kheo bạch Phật: Sau khi khất thực về, chúng con nhóm họp ở giảng đường này rồi cùng nhau bàn luận: "Kỳ lạ thay! Kỳ diệu thay! Đức Thế Tôn có thần lực lớn, đầy đủ oai đức, biết hết mọi tâm hướng của chúng sanh. Như hôm nay, có hai thầy trò là Phạm chí Thiện Niệm và Phạm-ma-đạt cùng đi theo sau đức Phật và chúng Tăng. Trong khi Phạm chí Thiện Niệm dùng nhiều cách chê bai Phật, Pháp và Tăng thì đệ tử là Phạm-ma-đạt lại dùng nhiều cách khen ngợi Phật, Pháp và Tăng. Vì sao như vậy? Vì hai thây trò có tập quán sai khác, kiên giải sai khác và sự thân cận cũng sai khác." Chúng con nhóm họp ở giảng đường và bàn luận những việc như the. Bấy giờ, đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Nếu có ai dùng nhiều cách để chê bai Như Lai, chê bai Chánh pháp và chúng Tăng thì các thầy không nên sanh lòng oán giận hay có ác ý đối với họ. Vì sao như vậy? Vì nếu có ai dùng nhiều cách để chê bai Phật, Pháp và Tăng mà các thay sanh lòng oán giận hay có ác ý thì các thay sẽ tự gây chướng ngại cho mình. Bởi vậy, các thầy chớ sanh lòng oán giận hay có ác ý đối với họ. Này các Tỳ-kheo! Nếu có người ca ngợi Phật, Pháp và Tăng thì các thày cũng chớ lấy đó làm điều vui mừng hãnh diện. Vì sao như vậy? Vì nếu các thầy sanh tâm vui mừng thì tự gây chướng ngại cho mình. Do đó, các thây không nên vui mừng. Vì sao như vậy? Vì đó chỉ là những duyên nhỏ nhặt về oai nghi, giới hạnh8 mà hàng phàm phu ít học, không hiểu được nghĩa lý sâu xa, nên chỉ dựa vào sự thấy biết đó để khen ngợi. Thế nào là những duyên nhỏ nhặt về oai nghi, giới hạnh mà hàng phàm phu ít học, chỉ dựa vào sự thấy biết đó để khen ngợi? Chẳng hạn như họ khen ngợi: Sa-môn Cù-đàm đã dứt trừ nghiệp sát, từ bỏ dao gậy, luôn có tâm tàm quý, thương xót tất cả chúng sanh. Đó là những duyên nhỏ nhặt về oai nghi, giới hạnh mà hàng phàm phu ít học dựa vào đó để khen ngợi Như Lai. Hoặc họ khen ngợi: Sa-môn Cù-đàm đã dứt bỏ trộm cướp, không có tâm trộm cướp.

8 Nguyên tác: Tiểu duyên oai nghi giới hạnh ().Tham chiếu: D. 1: Appamatakarn kho pan étam oramattakam sīlamattakam (việc đo chỉ thuộc về giới luật nhỏ nhặt, không quan trọng).

21. KINH PHẠM ĐỘNG 797

Sa-môn Cù-đàm đã từ bỏ dâm dục, tịnh tu Phạm hạnh, một lòng giữ giới, không hành dâm dục, bổn hạnh trong sạch. Sa-môn Cù-đàm dứt hẳn nghiệp nói dối, nói lời chí thành, nói lời chân thật, không dối gạt người. Sa-môn Cù-đàm đã từ bỏ nói hai chiều, không đem lời người này đến quấy phá kẻ kia, không đem lời người kia đến quấy phá người này, gặp kẻ tranh cãi có the khiến họ hòa thuận, kẻ đã hòa thuận thì làm cho họ vui thêm, nói ra lời gì cũng muốn đem lại sự hòa thuận, thành thật đi vào lòng người, lời nói hợp thời. Sa-môn Cù-đàm đã từ bỏ lời nói ác, những lời thô ác làm tổn thương người khác, làm tăng lên lòng oán ghét, thù hận. Những lời thô ác này Ngài không bao giờ nói, chỉ nói điều lành làm vui âẹp lòng người, ai cũng quý mến, nghe mãi không

chán, chỉ nói những lời như thê. Sa-môn Cù-đàm đã từ bỏ nói lời thêu dệt,9 chỉ nói đúng thời, nói lời thành thật, nói có lợi ích, nói đúng theo pháp, nói đúng theo luật, nói để đình chỉ sai quấy, chỉ nói những lời như thế. [0089a05] Sa-môn Cù-đàm đã từ bỏ uống rượu, không trang sức hương hoa, không xem ca múa, không ngôi giường cao, không ăn phi thời, không giữ vàng bạc, không dung nạp vợ5 con, tớ trai, tớ gái; không nuôi voi, ngựa, heo, dê, gà, chó và các loài chim, loài thú; không nuôi dưỡng quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ; không thâu tóm ruộng vườn gieo trồng ngũ cốc; không dùng tay đánh người; không dùng cân đấu lường gạt, không mua bán, khoán ước, giao kèo; không cho vay nợ để sanh lợi bất chánh; cũng không âm mim, trước mặt khác sau lưng; không đi lại phi thời vì để nuôi thân mạng, chỉ ăn vừa đủ, đi đến chỗ nào đều luôn mang theo y bát như chim bay phải cần đôi cánh, Đó là những duyên nhỏ nhặt vê việc giữ gìn giới luật mà hàng phàm phu ít học thường dựa vào đó đê tán thán Như Lai. Như các Sa-môn5 Bà-la-môn tuy thọ thức ăn của người tín thí nhưng vẫn mong cầu để cất chứa, không biết vừa đủ về y phục, ẩm thực, còn Sa-môn Cù- đàm không làm những việc như thế. Như các Sa-môn, Bà-la-môn tuy thọ thức ăn của người tín thí nhưng vẫn còn lo mở mang sanh kế, gieo trồng cây cối, các loại thảo mộc,10 còn Sa-môn Cù-đàm không làm những việc như thế. Như các Sa-môn5 Bà-la-môn tuy thọ thức ăn của người tín thí nhưng vẫn tìm nhiều cách để mong cầu lợi dưỡng như: Ngà voi và các loại châu báu; ghế, giường cao rộng; mền nệm, mùng màn, chăn chiếu thêu dệt tốt đẹp, còn Sa-môn Cù-đàm không làm những việc như thế.

9 Nguyên tác: Ỷ ngữ hay “tap uế ngữ”.Tham chiếu: D. 1: Samphappãla lời nói phù phiếm. 10 Nguyên tác: Chủng thực thọ mộc quỷ thần sở y .MĀ. 141 có đề cập danh từ t4quy t&6n'',trực dịch từ bhūtagama. Theo PED, bhūtā có nghĩa là quỷ thần, cũng co nghĩa là hạt giong, ở đây, bhūtagāma chỉ cho các loại hoa màu, rau cỏ.

Như các Sa-môn, Bà-la-môn tuy thọ thức ăn của người tín thí nhtrng vẫn tìm nhiều cách để tự trang sức: Dùng dầu xoa thân, tắm gội nước thơm, xông ướp bột thơm, dùng dầu thơm chải đầu; đeo tràng hoa đẹp, mắt nhuộm sắc xanh, tô diêm mặt mày, đeo bông tai, soi gương trau chuốt; mang dép da quý, mặc áo trắng mịn, che lọng, cầm phất trần làm bằng lông, cờ hiệu trang nghiêm, còn Sa-môn Cù-đàm không làm những việc như thế. Như các Sa-môn9 Bà-la-môn bày trò tiêu khiển, chơi cờ, đánh bạc, chơi cờ tám đường, mười đường, cho đến trăm ngàn đường, bày nhiều cách chơi để tự thỏa thích, còn Sa-môn Cù-đàm không làm những việc như thế. Như các Sa-môn9 Bà-la-môn tuy thọ thức ăn của người tín thí nhưng chỉ nói những lời vô ích, làm chướng ngại đạo: Hoặc bàn luận việc vua chúa, binh lính, chiến trận, việc quan lại; bạn bè, xe ngựa ra vào, dạo chơi vườn cảnh; bàn chuyện người nữ, năm ngôi đi đứng; bàn vê y phục, ăn uông, luận vê thân thê; bàn việc xuống biển tìm châu báu, còn Sa-môn Cù-đàm không làm những việc như thế. Như các Sa-môn, Bà-la-môn tuy thọ thức ăn của người tín thí nhưng vẫn làm việc tà mạng bằng nhiều cách: Dua nịnh và trau chuốt lời nói, hiện tướng chê bai, lấy lợi cầu lợi, còn Sa-môn Cù-đàm không làm những việc như thế. Như

các Sa-môn5 Bà-la-môn tuy thọ thức ăn của người tín thí nhưng vẫn tranh cãi lẫn nhau, hoặc ở vườn rừng, hoặc ở ao tắm, hoặc ở trong nhà, phân bua phải trái với nhau: "Ta biết kinh, luật, còn ông không biết; ta đi đường chánh, ông đi đường tà, đem trước để sau, lấy sau để trước; ta nhẫn nhục được, ông không nhẫn nhục được; những điều ông nói đều không chính đáng, nếu có nghi ngờ thì nên đến hỏi, ta sẽ trả lời tất c*', còn Sa-môn Cù-đàm không làm những việc như thế. [0089bl3] Như các Sa-môn5 Bà-la-môn tuy thọ thức ăn của người tín thí nhưng vân tìm nhiêu cách làm thông sứ cho vua, cho đại thân của vua, cho Bà-la-môn5 cư sĩ, đi từ nơi này đến nơi kia, từ nơi kia đến nơi này, đem tin chỗ này trao qua chỗ kia, đem tin chỗ kia trao qua chỗ này, hoặc tự làm, hoặc khiến người làm, còn Sa-môn Cù-đàm không làm những việc như the. Như các Sa-môn5 Bà-la-môn tuy thọ thức ăn của người tín thí nhưng lại luyện tập quân trận, chiến đấu: Hoặc luyện tập đao gậy, cung tên; luyện tập các loài cầm thú như chọi gà, chó, heo, dê5 voi, ngựa, bò, lạc đà; hoặc so tài nam, nữ; hoặc luyện các thứ tiếng, tiếng thổi, tiếng trống, tiếng ca, tiếng múa; leo cột phướn, leo xuôi, leo ngược; luyện các trò chơi, không trò nào là không luyện, còn Sa-môn Cù-đàm không làm những việc như thế. Như các Sa-môn, Bà-la-môn tuy thọ thức ăn của người tín thí nhưng vẫn làm việc chướng ngại đạo pháp, nuôi song bang tà mạng, như xem tướng nam, nữ, lành, dữ, tốt, xấu và tướng súc sanh để cầu lợi dưỡng, còn Sa-môn Cù-đàm không làm những việc như the.

21. KINH PHẠM ĐỘNG 799

Như các Sa-môn9 Bà-la-môn tuy thọ thức ăn của người tín thí nhưng vân làm những việc chướng ngại đạo pháp, nuôi sống bằng tà mạng, như cầu khẩn quỷ thần, hoặc đê sai khiên, hoặc đuôi di, dùng các thứ trù yêm, cúng tê, vô sô phép thuật khiên người khiêp sợ; có thê làm cho tụ lại hoặc làm cho tan rã, làm cho khổ, làm cho vui; có thể an thai, trục thai hoặc phù phép khiến người hóa thành lừa, ngựa; có thể khiến người bị điếc, đui, câm, ngọng, hoặc thực hiện các việc kỳ dị như chăp tay bái lạy mặt trời, mặt trăng, làm các khô hạnh đê câu lợi dưỡng, còn Sa-môn Cù-đàm không làm những việc như thế. Như các Sa-môn, Bà-la-môn tuy thọ thức ăn của người tín thí nhưng vẫn làm những việc chướng ngại đạo pháp, nuôi sống bang tà mạng: Hoặc trì chú trị bệnh cho người; hoặc tụng chú thuật ác, tụng chú thuật thiện; hoặc làm thuốc thang, châm cứu, chữa trị bệnh tật, còn Sa-môn Cù-đàm không làm những việc như thế. Như các Sa-môn, Bà-la-môn tuy thọ thức ăn của người tín thí nhưng vẫn làm những việc chướng ngại đạo pháp, nuôi sống bằng tà mạng: Hoặc tụng chú vào nước, lửa, hoặc chú quỷ thần, hoặc chú Sát-lợi, hoặc chú luyện voi, hoặc chú an thai, 11 hoặc bùa chú trấn nhà cửa, hoặc chú giải trừ lửa cháy, chú giải trừ nạn chuột phá hoại; hoặc đọc sách đoán biết việc sống, chết, hoặc đọc các sách giải mộng, xem tướng tay, tướng mặt, hoặc đọc sách thiên văn, hoặc đọc sách nhất thiết âm,* 12 còn Sa-môn Cù-đàm không làm những việc như thế. Như các Sa-môn, Bà-la-môn tuy thọ thức ăn của người tín thí nhưng vẫn làm những việc chướng ngại đạo pháp, nuôi sống bằng tà mạng, như xem thời tiêt5 đoán có mưa hay không mưa, được mùa hay mát mùa, nhiêu bệnh hoặc ít bệnh, kinh sợ hay yên ổn; hoặc nói sẽ có động đất, sao chổi, nguyệt thực, nhật thực, tinh tú thực, hoặc đoán không có những hiện tượng ấy, tùy nơi xuất hiện mà đoán trước việc xảy ra, còn

Sa-môn Cù-đàm không làm những việc như thế. Như các Sa-môn9 Bà-la-môn tuy thọ thức ăn của người tín thí nhưng vẫn làm những việc chướng ngại đạo pháp, nuôi sống bằng tà mạng, như nói nước này sẽ thang, nước kia sẽ bại5 nước kia sẽ hơn, nước này sẽ thua; xem tướng lành, dữ mà đoán việc hưng suy, còn Sa-môn Cù-đàm không làm những việc như thế. Này các Tỳ-kheo! Đó là những nhân duyên nhỏ nhặt vê việc giữ gìn giới luật mà hàng phàm phu ít học thường dựa vào đó để tán thán Như Lai. [0089cl9] Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Còn có các pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu mà chỉ có bậc đệ tử Hiền thánh mới dùng pháp đó để tán thán Như Lai. Thế nào là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu mà chỉ có bậc đệ tử Hiền thánh mới dùng pháp đó để tán thán Như Lai?

^Nguyên tác: Chi tiết ,pasākha, dịch âm là Bát-la-xa-khư ,chỉ cho thai nhi từ tuần lễ thứ 5 trở đi. 12 Nguyên tác: Nhất thiết âm thư .Xem chú thích 19, kinh số 20, tr. 782.

CÓ các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bổn kiếp bổn kiến13 và mạt kiếp mạt kiến14 rồi tự ý lập nên vô số luận thuyết.15 Tất cả những luận thuyết đo được bao gồm trong sáu mươi hai luận thuyết.16 Trong vô số những luận thuyết dựa vào bôn kiêp bôn kiên và mạt kiêp mạt kiên do họ tự ý lập nên đêu bao gôm trong sáu mươi hai luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Vì nguyên do gì mà các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bổn kiếp bổn kiến và mạt kiếp mạt kiến rồi tự ý lập nên vô số học thuyết. Tất cả những luận thuyết đó đêu bao gôm trong sáu mươi hai luận thuyêt, trong giới hạn đó không thê vượt qua? Có các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bổn kiếp bổn kiến rồi tự ý lập nên vô sô học thuyêt và tát cả được bao gôm trong mười tám luận thuyêt. Trong vô sô những luận thuyêt dựa vào bôn kiêp bôn kiên do họ tự ý lập nên đêu bao gôm trong mười tám luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Vì nguyên do gì mà các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bổn kiếp bổn kiến roi tự ý lập nên vô sô học thuyêt và tát cả được bao gôm trong mười tám luận thuyết, trong giới hạn đó không the vượt qua? Có các Sa-môn, Bà-la-môn đã dựa vào bổn kiếp bổn kiến để chủ trương Thường luận,1718cho rằng: "Bản ngã và thế giới thường hằng."i8 Chủ trương này bao gồm trong bốn luận thuyết. Dựa vào bổn kiếp bổn kiến để chủ trương: "Bản ngã và thế giới thường hằng^, tất cả được bao gồm trong bốn luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. [0090a07] Vì nguyên do gì mà các Sa-môn? Bà-la-môn kia dựa vào bổn kiếp bôn kiên đê chủ trương Thường luận, cho răng: “Bản ngã và thê giới thường hang”, tát cả được bao gôm trong bôn luận thuyêt này, trong giới hạn đó không thể vượt qua? Hoặc có các Sa-môn, Bà-la-môn bằng vô số phương tiện tu tập nên chứng nhập đinh Tâm tam-muội. Với tâm định tĩnh, vị ấy nhớ được hai mươi kiếp thành và kiếp hoại19 nên chủ trương rằng: uBản ngã và thế giới thường hằng, chỉ có quan diêm này là đúng, ngoài ra đêu sai lâm. Vì sao như vậy? Vì chính tôi băng vô sô phương tiện tu tập nên chứng nhập định Tâm tam-muội. Với tâm đinh tĩnh, tôi nhớ lại hai mươi kiếp thành và kiếp hoại, thấy chúng sanh trong

13 Bổn kiếp bổn kiến ,pubbantakappikāpubbantāditthino '. Quan điểm về khởi nguyên của thế giới dựa vào kiếp quá khứ, cung gọi là Nguyên thủy sáng thế luận. 14 Mạt kiếp mạt kiến ,aparantakappikā aparantānuditthino : Quan điểm về thế giới trong tương lai, cũng gọi là Thế mạt luận. 15 Chủng chủng vô số, tùy ý sở thuyết .Tham chiếu: D. Adhỉvuttipada Lập thuyêt phù phiêm. 16 Nguyên tác: Kiến ,vatthu: Cơ sở, nền tảng, sự vật. 17 Nguyên tác: Thường luận ,sassatavādā'. Chủ trương Thường kiến. 18 Nguyên tác: Ngã cập thế gian thường t8n ,sassatarỊí attāñ ca lokañ ca. 19 Nguyên tác: Thành kiếp bại kiếp :Các thời kỳ sáng thế và tận thế.

đó không thêm, không bớt, thường tụ hội, không tan rã. Bởi vậy, tôi biết bản ngã và thê giới thường hăng, chỉ có quan diêm này là đúng, ngoài ra đêu sai lầm.,, Đây là luận thuyết thứ nhất. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bổn kiếp bôn kiên này mà cho răng bản ngã và thê giới thường hăng, đêu thuộc vào bôn luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. CÓ những Sa-môn, Bà-la-môn băng vô sô phương tiện tu tập nên chứng nhập định Tâm tam-muội. Với tâm định tĩnh, vị ấy nhớ được bốn mươi kiếp thành và kiếp hoại nên chủ trương rằng: uBản ngã và thế giới thường hằng, chỉ CÓ quan diêm này là đúng, ngoài ra đêu sai lâm. Vì sao như vậy? Vì chính tôi bằng vô số phương tiện tu tập nên chứng nhập định Tâm tam-muội. Với tâm định tĩnh, tôi nhớ được bốn mươi kiếp thành và kiếp hoại, thấy chúng sanh trong đó không thêm, không bớt, thường tụ hội, không tan rã. Bởi vậy, tôi biết bản ngã và thế giới thường hằng, chỉ có quan điểm này là đúng, ngoài ra đều sai lầm.^, Đây là luận thuyết thứ hai. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bổn kiếp bôn kiên này mà cho răng bản ngã và thê giới thường hăng, đêu thuộc vào bôn luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. CÓ những Sa-môn, Bà-la-môn băng vô sô phương tiện tu tập nên chứng nhập định Tâm tam-muội. Với tâm định tĩnh, vị ấy nhớ được tám mươi kiếp thành và kiếp hoại, nên chủ trương rằng: "Bản ngã và thế giới thường hằng, chỉ có quan điểm này là đúng, ngoài ra đều sai lầm. Vì sao như vậy? Vì chính tôi băng vô sô phương tiện tu tập nên chứng nhập định Tâm tam-muội. Với tâm định tinh, tôi nhớ được tám mươi kiếp thành và kiếp hoại, thấy chúng sanh trong đó không thêm, không bớt, thường tụ hội, không tan rã. Bởi vậy, tôi biết bản ngã và thê giới thường hăng, chỉ có quan diêm này là đúng, ngoài ra đêu sai lầm.^, Đây là luận thuyết thứ ba. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bổn kiếp bổn kiến này mà cho rằng bản ngã và thế giới thường hằng, đều thuộc vào bốn luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. [0090b03] Có những Sa-môn9 Bà-la-môn với trí nhạy bén, giỏi quán sát,20 họ dùng trí nhạy bén ây làm phương tiện quán sát, tức là quán sát chân lý, với những gì đã thây và băng tài biện luận của mình, họ chủ trương răng: "Bản ngã và thế giới thường hằng." Đây là luận thuyết thứ tư. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bon kiếp bon kiến này mà cho rằng bản ngã và the giới thường hằng, đều thuộc vào bốn luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Các Sa-môn, Bà-la-môn này dựa vào bôn kiêp bôn kiên mà chủ trương: "Bản ngã và thế giới thường hang?9 Tất cả những chủ trương như thế đều bao gồm trong bốn luận thuyết: uBản ngã và thế giới thường hằng", trong giới hạn bốn luận thuyết đó, không

thể vượt qua.

20 Nguyên tác: Hữu tiệp tật tướng trí thiện năng quán sát ().Tham chiếu: D. 1: Takkī hoti vīmamsī hoti (nhà suy luận, nhà thẩm sat).

Chỉ CÓ Như Lai mới biết rõ ngọn nguồn của những luận thuyết trên.21 Chúng được nắm bắt như vậy, được giữ chặt như vậy và cũng biết sẽ có báo ứng như vậy. Như Lai còn biêt những điêu vượt xa hơn thê, dù biêt nhưng không châp trước, vì không chấp trước nên được tĩnh lặng. Trong sự tĩnh lặng, Như Lai biết được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vi ngọt, sự nguy hiêm và con đường xuât ly khỏi thọ,2223 bằng chánh quán mà được giải thoát hoàn toàn nên gọi là Như Lai. Đó gọi là còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu để cho đệ tử Hiền thánh có thể tán thán Như Lai chân thật, bình đẳng. Lại còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu để cho đệ tử Hiền thánh tán thán Như Lai chân thật, bình đẳng. Đó là pháp gì? Có các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bổn kiếp bổn kiến rồi chủ trương rằng: "Bản ngã và thế giới một nửa thường hằng, một nửa không thường hằng."23 Những Sa-môn, Bà-la-môn đó dựa vào bôn kiêp bôn kiên này mà chủ trương bản ngã và thê giới một nửa thường hăng, một nửa không thường hăng, đêu thuộc vào bốn luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Khi kiếp này mới hình thành, có một số chúng sanh phước hết, mạng hết và nghiệp hết, mạng chung ở cõi trời Quang Âm24 rồi sanh vào cõi Phạm thiên trống không.25 Tại đó, họ khởi tâm yêu thích, lại mong muốn các chúng sanh khác cùng sanh vào cõi này. Chúng sanh này sau khi khởi tâm yêu thích và có mong muốn như vậy rồi, lại có những chúng sanh khác mạng hết, nghiệp hết và phước hết, mạng chung ở cõi trời Quang Ảm rồi sanh vào cõi Phạm thiên ướng không. Những chúng sanh xuât hiện đâu tiên nơi cõi ây liên nghĩ răng: "O đây, ta là Phạm, là Đại Phạm, ta tự nhiên mà có, không ai có thể tạo ra ta. Ta biết hết thảy nghĩa lý kinh thư.26 Ta tự tại trong một ngàn thế giới, là tôn quý nhất, có khả năng biến hóa, vi diệu bậc nhất. Ta là cha của chúng sanh, chỉ riêng ta xuất hiện trước, còn các chúng sanh khác xuất hiện sau. Các chúng sanh đến sau đều z " A r . do ta hóa thanh." Các chúng sanh đên sau cũng nghĩ răng: ây là Đại Phạm, vị ây tự sanh, chứ không phải do kẻ khác tạo ra, vị ây biêt hét thảy nghĩa lý kinh thư, tự tại trong một ngàn thê giới, là bậc tôn quý nhát, có khả năng biên hóa, vi diệu bậc nhát, là cha của chúng sanh, chỉ riêng vị ây xuât hiện trước, còn chúng ta xuất hiện sau, chúng ta là các chúng sanh do vi ấy tạo ra."

21 Nguyên tác: Kiến xứ ditthitthānā\ Chỗ thấy, cách nhìn, lập trường tư tưởng. 22 Nguyên tác: Tri thọ tập, diệt, vị, quá hoạn, xuất yếu .Tham chiếu: D. 1: Vedanānam ca samudayañ ca atthagamañ ca assādañ ca ādīnavañ ca nissaranañ ca yathā bhūtarn viditvā biết một cách như thật sự tập khởi, sự hủy diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự thoát ly của thọ. 23 Nguyen tác: Bán thường bán vô thường .Tham chiếu: D. 1: Ekaccam sassatam ekaccam asassatarn một bộ phận thường, một bộ phận không thường. 24 Nguyên tác: Quang Âm thiên Ābhassarā, tầng cao nhất của Nhị thiền thiên . 25 Nguyên tác: Không Phạm thiên STham chiếu: D. 1: VivattamānelokesūññarnBrahmavimānarn pātu bhavati Trong khi the giới

chuyển thành, cung điện Phạm thiên trống không hiện ra. 26 Nguyên tác;Tận tri chư nghĩa điển .Tham chiếu: DÃ. 30: Thiện chư nghĩa thd :Thông hiểu các nghĩa lý; D. l: Aññadat Thudaso đấng Thấy Khắp Tất Cả.

21. KINH PHẠM ĐỘNG 803

Những chúng sanh ở cõi Phạm thiên kia khi mạng hết và nghiệp hết thì sanh vào thế giới này, dần dần trưởng thành, sau đó lại cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu dạo,. cho đến chứng nhập định Tâm tam-muội. Do tâm định tĩnh, vị ấy tự biết đời trước của mình, liền bảo rằng: "Bậc Đại Phạm thiên kia tự sanh, không do kẻ khác tạo ra, biết hết thảy nghĩa lý kinh thư, tự tại trong một ngàn thế giới, là bậc tôn quý nhất, có khả năng biến hóa, vi diệu bậc nhất, là cha của chúng sanh, thường trụ, bất biến. Vị Phạm thiên ấy tạo ra chúng ta, chúng ta là vô thường biến đổi, không tồn tại lâu. Vậy nên biết rằng bản ngã và thế giới là một nửa thường hằng, một nửa không thường hằng, chỉ có điều này là thật, ngoài ra đều hư doi?9 Đây là luận thuyết thứ nhất. Các Sa-môn9 Bà-la-môn dựa vào bổn kiếp bổn kiến này mà chủ trương luận thuyết một nửa thường hằng, một nửa không thường hằng, đều thuộc vào bốn luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. [0090C15] Hoặc có những chúng sanh ham thích vui đùa, lười biếng, thường lấy vui đùa làm niềm thỏa thích. Do ham vui đùa thỏa thh, thân thể mệt mỏi nên mất chánh niệm. Do mất chánh niệm trong lúc qua đời nên sanh vào cõi nhân gian, dân dân khôn lớn, roi lại cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, vị ấy nhập đinh Tâm tam-muội, nhờ định tâm mà biết được đời trước của mình rồi bảo rằng: "Các chúng sanh kia nhờ tâm không ham vui đùa thỏa thích nên được thường trú, không biến đổi ở cõi ấy; còn ta ham vui đùa thỏa thích nên phải chiu vô thường, biến đổi như thế này. Do vậy ta biết rằng bản ngã và thế giới một nửa thường hằng, một nửa không thường hằng, chỉ có điều này là thật, ngoài ra đều hư dối.^, Đây là luận thuyết thứ hai. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bổn kiếp bổn kiến này mà chủ trương bản ngã và thế giới một nửa thường hăng, một nửa không thường hăng, đêu thuộc vào bôn luận thuyêt, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Có những chủng sanh vì mãi lo nhìn ngắm nhau mà đánh mất chánh niệm. Do mát chánh niệm trong lúc qua đời nên sanh vào thê giới này, dân dân khôn lớn rồi cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, nhập định Tâm tam- muội, nhờ định tâm mà biêt được đời trước roi nghĩ răng: "Các chúng sanh kia nhờ không nhìn ngắm nhau nên không đánh mất chánh niệm, được thường trú không biến đổi, còn chúng ta do nhìn ngắm nhau mà đánh mất chánh niệm, nên phải chịu vô thường, biến đổi. Do vậy, ta biết rằng bản ngã và thế giới một nửa thường hăng, một nửa không thường hăng, chỉ điêu này là thật, ngoài ra đêu hư d6i." Đây là luận thuyết thứ ba. Các Sa-môn? Bà-la-môn dựa vào bổn kiếp bổn kiến này mà chủ trương bản ngã và thế giới một nửa thường hằng và một nửa không thường hằng, đều thuộc vào bốn luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. [0091a05] Hoặc có những Sa-môn? Bà-la-môn với trí lanh lợi, giỏi quán sát. Họ dùng trí quán sát lanh lợi ây và băng tài trí biện luận của mình nên tuyên bô:

804 KINH TRƯỜNG A-HÀM

"Bản ngã và thê giới một nửa thường hăng, một nửa không thường hăng, chỉ có điều này là thật, ngoài ra đều hư d§i." Đây là luận thuyết thứ tư. Các Sa-môn; Bà-la-môn dựa vào bổn kiếp bổn kiến này mà chủ trương rằng: "Bản ngã và thế giới một nửa là thường hằng, một nửa không thường hằng", đều thuộc vào bốn luận thuyêt, trong giới hạn đó không thê vượt qua. Các Sa-môn9 Bà-la-môn dựa vào bổn kiếp bổn kiến mà chủ trương rằng: "Bản ngã và thế giới một nửa thường hằng, một nửa không thường h3ng", tất cả đều bao gồm trong bốn luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Chỉ có Như Lai mới biết rõ những luận thuyết như trên. Chúng được nắm bắt như vậy, được giữ chặt như vậy và cũng biết sẽ có báo ứng như vậy. Như Lai còn biêt những điều vượt xa hơn thê, dù biêt nhưng không châp trước, vì không chấp trước nên được tĩnh lặng. Trong sự tĩnh lặng, Như Lai biết được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vi ngọt, sự nguy hiểm và con đường xuất ly khỏi thọ, bang chánh quán mà được giải thoát hoàn toàn, nên gọi là Như Lai. Đó gọi là còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu để cho đệ tử Hiền thánh tán thán Như Lai chân thật, bình đang. Lại còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu để các đệ tử Hiền thánh tán thán Như Lai chân thật, bình đang. Đó là pháp gì? Có Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bôn kiêp bôn kiên mà chủ trương răng: "Bản ngã và thế giới là có giới hạn và không có giới han." Các Sa-môn, Bà-la- môn dựa vào bổn kiếp bon kiến này mà chủ trương rang: "Bản ngã và the giới là có giới hạn và không có giới hạn" đều thuộc vào bốn luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn băng vô sô phương tiện tu tập nên chứng nhập định Tâm tam-muội. Với tâm định tĩnh, vị ấy quan sát thế giới và khởi lên biên tưởng.27 Họ cho rằng: "Thế giới này là có giới hạn,28 chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư dối. Vì sao như vậy? Vì tôi đã dùng nhiều phương tiện để nhập định Tâm tam-muội9 nhờ tâm định tinh, tôi quan sát thấy thế giới có giới hạn. Do vậy, tôi biết thế giới là có giới hạn, chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư dối.,^ Đây là luận thuyết thứ nhất. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bổn kiếp bổn kiến này mà chủ trương rằng: “Bản ngã và thế giới là có giới hạn,, đều thuộc vào bốn luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Hoặc có những Sa-môn5 Bà-la-môn băng vô sô phương tiện tu tập nên chứng nhập đinh Tâm tam-muội. Với tâm định tĩnh quan sát thế giới mà khởi lên vô biên tưởng. Họ bảo rằng: "Thế giới là không có giới hạn, chỉ có đây là thật, ngoài ra đều hư dối. Vì sao như vậy? Vì chính tôi đã dùng nhiều phương tiện để nhập định Tâm tam-muội, nhờ tam đinh tĩnh nên quan sát thấy thế giới này là không có giới hạn. Do vậy, tôi biết rằng thế giới là không có giới hạn, chỉ

27 Nguyên tác: Khởi biên tưởng . 28 Nguyên tác: Hữu biên Có biên tế, có giới hạn.

CÓ đây là thật, ngoài ra đều hư d6i.” Đây là luận thuyết thứ hai. Các Sa-môn5 : 9 • L ^2 _ Bà-la-môn dựa vào bôn kiêp bôn kiên này mà chủ trương răng: "Bản ngã và thế giới là không có giới han^, đều thuộc vào bốn luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. [0091b06] Hoặc có những Sa-môn, Bà-la-môn bằng vô số phương tiện tu tập nên chứng nhập định Tâm tam-muội. Với tâm định tĩnh, vị ấy quan sát thế giới, thấy

phương trên có giới hạn, còn bốn phương thì không có giới hạn. Họ bảo rằng: "Thế giới vừa có giới hạn vừa không có giới hạn, chỉ có đây là thật, ngoài ra đều hư dối. Vì sao như vậy? Vì chính tôi đã dùng nhiều phương tiện để nhập định Tâm tam-muội, nhờ tâm định tĩnh quan sát thấy phương trên có giới hạn, còn bốn phương thì không có giới hạn. Do vậy, tôi biết rằng thế giới vừa có giới hạn vừa không có giới hạn, chỉ có đây là thật, ngoài ra đều hư dối.,, Đây là luận thuyết thứ ba. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bổn kiếp bổn kiến này mà chủ trương rằng: “Bản ngã và thế giới vừa có giới hạn vừa không có giới hạn", đều thuộc vào bốn luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Hoặc có những Sa-môn? Bà-la-môn với trí tuệ lanh lợi, giỏi quan sát. Vị ấy dùng trí quán sát lanh lợi và bằng tài trí biện luận của mình, tuyên bố rằng: "Bản ngã và thê giới chăng phải có giới hạn, chăng phải không có giới hạn, chỉ có đây là thật, ngoài ra đều hư dối.,, Đây là luận thuyết thứ tư. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bôn kiêp bôn kiên này mà chủ trương răng: "Bản ngã và thê giới chăng phải có giới hạn, chẳng phải không có giới hạn, chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư d6i", đều thuộc vào bốn luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Các Sa-môn, Bà-la-môn này dựa vào bôn kiêp bôn kiên mà chủ trương rằng: "Bản ngã và thế giới chẳng phải có giới hạn, chẳng phải không có giới hạn,\ tất cả đều bao gồm trong bôn luận thuyêt, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Chỉ có Như Lai mới biêt rõ những luận thuyêt như trên. Chúng được năm bắt như vậy? được giữ chặt như vậy và cũng biết sẽ có báo ứng như vậy. Như Lai còn biết những điều vượt xa hơn thế, dù biết nhưng không chấp trước, vì không chấp trước nên được tĩnh lặng. Trong sự tĩnh lặng, Như Lai biết được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và con đường xuất ly khỏi thọ, bằng chánh quán mà được giải thoát hoàn toàn, nên gọi là Như Lai. Đó ệọi là còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu để cho đệ tử Hiên thánh tán thán Như Lai chân thật, bình đẳng. Lại còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu để cho đệ tử Hiền thánh tán thán Như Lai chân thật, bình đang. Đó là pháp gì? Có các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bổn kiếp bổn kiến, khi được hỏi khác nhung trả lời khác.29 Những vi ấy, mỗi khi có người hỏi điều này hay điều khác,

29 Nguyên tác: Dị vấn dị đáp ():Hỏi khác đáp khác. Tham chiếu: D. l: Amarāvikkhepikā (nhà ngụy biện, uốn lượn như con lươn).

được hỏi khác nhưng trả lời khác, thuộc vào bốn luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bổn kiếp bổn kiến này mà hỏi và đáp khác nhau, đều thuộc vào bốn luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn có luận thuyêt như vây, có quan diêm như vầy: “Ta không thấy, không biết thiện ác có quả báo hay không có quả báo? Vì ta không thây cho nên chủ trương răng: 'Thiện ác có báo ứng chăng? Không có báo ứng chăng?9 Thế giới có những Sa-môn, Bà-la-môn học rộng nghe nhiều, thông minh trí tuệ, thường ưa nhàn tinh, biện luận tinh vi, được người đời tôn trọng, có thê dùng trí tuệ phân biệt các quan diêm. Nêu họ hỏi ta các ý nghĩa thâm sâu mà ta không đáp được, vì hổ thẹn, vì sợ họ nên ta phải dựa vào sự trả lời ấy làm nơi nương tựa, làm cơ sở, làm nơi che chở, làm con

đường cứu cánh. Nếu người kia hỏi thì ta sẽ đáp rằng: 'Biều ấy như thế, điều ấy là thực, điều ấy là khác, điều ấy là không khác, điều ấy không phải khác cũng không phải không khác.'" Đây là luận thuyết thứ nhất. Các Sa-môn, Bà-la-môn do được hỏi khác, lại đáp khác, đều thuộc vào bốn luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. [0091C12] Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn có luận thuyết như vầy, quan điểm như vầy: "'Ta không thấy, không biết có đời khác hay không có đời khác/ Trong đời, có các Sa-môn, Bà-la-môn dùng thiên nhãn trí, tha tâm trí, có thể thấy những việc xa xôi. Những việc ấy tuy gần người khác nhưng người khác không thấy. Những người như thế thì có thể biết được có đòd khác hay không có đời khác. Ta không biết, không thấy có đời khác hay không có đời khác. Nếu ta nói thì lời ta là hư dối mà ta thì ghét và sợ hư dối.30 Vì thế để làm nơi nương tựa, làm cơ sở? làm nơi che chở, làm con đường cứu cánh, nếu có người hỏi ta thì ta sẽ đáp rằng: 'Điều ấy như thế, điều ấy là thực, điều ấy là khác, điều ấy là không khác, điều ấy không phải khác cũng không phải không khác.'" Đây là luận thuyết thứ hai. Các Sa-môn, Bà-la-môn do được hỏi khác, lại đáp khác, đều thuộc vào bốn luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Hoặc có những Sa~môn9 Bà-la-môn có luận thuyêt như vây, quan diêm như vầy:666Ta không biết, không thấy thế nào là thiện, thế nào là bất thiện/ Nếu ta không biết, không thấy mà nói đây là thiện, đây là bất thiện thì do đây ta sẽ sanh ra ưa thích, từ ưa thích sanh ra giận ghét. Có ưa thích, có giận ghét thì có chấp thủ.31 Ta muốn diệt tnr chấp thủ nên xuất gia tu hành. Người kia ghét chấp thủ và sợ chấp thủ nên lấy đây để làm nơi nương tựa, làm cơ sở, làm nơi che chở, làm con đường cứu cánh. Nêu được hỏi thì ta nên đáp răng: 'Điêu ây như thê, điều ấy là thực, điều ấy là khác, điều ấy là không khác, điều ấy không phải khác

30 Nguyên tác: ố úy vọng ngữ s nồ. Tham chiếu: D. l: Musā vãda bhayā musā vãdapariịegucchã vì sợ vọng ngữ, kinh tom vọng ngữ. 31 Thọ tức "thủ"upãdãnà, cũng gọi "chấp thủ", là một chi trong 12 chi duyên khởi.

cũng không phải không khác."' Đây là luận thuyết thứ ba. Các Sa-môn, Bà-la- môn do được hỏi khác, lại đáp khác, đều thuộc vào bốn luận thuyết, trong giới hạn đó không the vượt qua. [0092a02] Hoặc có những Sa-môn, Bà-la-môn ngu si tăm tối, khi có người hỏi thì tùy theo người hỏi mà đáp răng: "Điêu ây là như thê, điêu ây là thực, điều ấy là khác, điều ấy là không khác, điều ấy không phải khác cũng không phải không khac." Đây là luận thuyết thứ tư. Các Sa-môn, Bà-la-môn do được hỏi khác, lại đáp khác, đều thuộc vào bốn luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Hoặc có Sa-môn5 Bà-la-môn dựa vào bôn kiêp bôn kiên, được hỏi khác, lại khác, tất cả đều bao gồm trong bốn luận thuyết, trong giới hạn đó không vượt qua. Chỉ có Như Lai mới biêt rõ ngọn nguôn của những luận thuyêt trên. Chúng được nắm bắt như vậy, được giữ chặt như vậy và cũng biết sẽ có báo ứng như vậy. Như Lai còn biết những điều vượt xa hơn thế, dù biết nhưng không chấp trước, vì không chấp trước nên được tĩnh lặng. Trong sự tĩnh lặng, Như Lai biết được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và con đường xuất ly khỏi thọ, bang chánh quán mà được giải thoát hoàn toàn, nên gọi là Như

Lai. Đó gọi là còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu để các đệ tử Hiền thánh tán thán Như Lai chân thật, bình đẳng. Lại còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu để các đệ tử Hiền thánh tán thán Như Lai chân thật, bình đẳng. Đó là pháp gì? Hoặc có các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bổn kiếp bổn kiến mà chủ trương răng: "Thê giới này xuât hiện không có nguyên nhân.^ Chủ trương này bao gôm hai luận thuyêt. Dựa vào bôn kiêp bôn kiên mà chủ trương răng: "Thê giới này xuất hiện không có nguyên nhan", thuộc vào hai luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Các Sa-môn5 Bà-la-môn đó vì nguyên do gì mà dựa vào bổn kiếp bổn kiến rồi chủ trương: "Không nhân mà hiện hữu", thuộc vào hai luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua? Hoặc có những chúng sanh vô tưởng, vô tri.32 Khi họ khởi tưởng thì mạng chung, liền sanh vào thế giới này, dần dần khôn lớn, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, cho đến chứng nhập định Tâm tam-muội. Nhờ tâm đinh tĩnh mà họ biêt cội góc đời trước, liên xướng lên răng: “Ta trước vôn không có, nay bỗng nhiên có. Thế giới này vốn không, nay bỗng nhiên có, chỉ có đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Đây là luận thuyết thứ nhất. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bôn kiêp bôn kiên này mà chủ trương: "Không nhân mà hiện hữu", thuộc vào hai luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua.

32 Vô tưởng, vô tri còn gọi "v6 tưởng hữu tình.,,

Hoặc CÓ những Sa-môn9 Bà-la-môn với trí tuệ lanh lọi, có khả năng quán sát khéo. Vị ấy, bằng trí tuệ quán sát lanh lợi và tài trí biện luận của mình, tuyên bố như vầy: “Thế giới này từ không mà có, chỉ có đây là thật, ngoài ra đều hư Đây là luận thuyết thứ hai. Các Sa-môn9 Bà-la-môn dựa vào bổn kiếp bổn kiến này mà chủ trương: “Thế giới này hiện hữu không có nguyên nhan", thuộc vào hai luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Các Sa-môn, Bà-la-môn nào dựa vào bổn kiếp bổn kiến, chủ trương: "Không nhân mà hiện hữu", tất cả bao gồm trong hai luận thuyết trên, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Chỉ có Như Lai mới biêt rõ ngọn nguôn của những luận thuyêt trên, cũng lại như vậy. Có các Sa-môn; Bà-la-môn dựa vào bổn kiếp bổn kiến rồi tự ý lập thuyết với vô số luận thuyết. Tất cả những luận thuyết ấy đều bao gồm trong mười tám luận thuyết. Trong vô số những luận thuyết dựa vào bôn kiêp bổn kiến do họ tự ý lập nên thì tất cả đều bao gồm trong mười tám luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Chỉ có Như Lai mới biết rõ ngọn nguồn của những luận thuyết trên, cũng lại như vậy. [0092b07] Lại còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu để cho các đệ tử Hiền thánh tán thán Như Lai chân thật, bình đẳng. Đó là pháp gì? Có các Sa-môn9 Bà-la-môn dựa vào mạt kiếp mạt kiến rồi tự ý lập thuyết với vô sô luận thuyêt và tát cả những luận thuyết ây đêu bao gôm trong bôn mươi bốn luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua.33 Các Sa-môn9 Bà-la-môn kia do nguyên nhân gì mà dựa vào mạt kiếp mạt kiến rồi tự ý lập thuyết với vô số luận thuyết và tất cả những luận thuyết ấy đều bao gồm trong bốn mươi bốn luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua? Có các Sa-môn5 Bà-la-môn dựa vào mạt kiêp mạt kiên roi chủ trương Hữu tưởng luận,34 cho rang the giới là có tưởng, tất cả luận thuyết đó bao gom mười

sáu luận thuyết. Dựa vào mạt kiếp mạt kiến để chủ trương [Hữu] tưởng luận, cho rằng thế giới là có tưởng, bao gồm mười sáu luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Các Sa-môn, Bà-la-môn đó vì nguyên nhân gì mà dựa vào mạt kiếp mạt kiến rồi chủ trương Hữu tưởng luận, cho rằng thế giới là có tưởng, bao gồm mười sáu luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua? Có các Sa-môn, Bà-la-môn có luận thuyết như vầy, có quan điểm như vầy: "Tịt ngã sau đời này, sanh ra có tưởng, có sắc, đây là thật, ngoài ra là hư d6i."

33 Bản Hán lặp lại 2 lần, ở đây bỏ bớt một phần. 34 Hữu tưởng luận Saññīvādā.
Luận thuyết cho rằng chúng sanh sau khi chết vẫn có các tác dụng ý thức như: Cam giác, nhận thức, ý chí, tư duy, v.v... Đay là Thường kiến trong 62 loại kiến chấp của ngoại đạo ở Ấn Đọ?

21. KINH PHẠM ĐỘNG 809

ĐÓ là luận thuyết thứ nhất. Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó5 dựa vào mạt kiếp mạt kiến này rồi chủ trương Hữu tưởng luận, cho rằng thế giới có tưởng, thuộc trong mười sáu luận thuyết, trong giới hạn đố không thể vượt qua. Lại có chủ trương: "Tự ngã sau đời này, sanh ra không sác, có tưởng, đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: "Tự ngã sau đời này, sanh ra vừa có sắc vừa không sắc, có tưởng, đây là thật, ngoài ra đều hư dối?5 Lại có chủ trương: "Tự ngã sau đời này, sanh ra không phải có sắc không phải không sắc, có tưởng, đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: "Tụ* ngã sau đời này, sanh ra có giới hạn, có tưởng, đây là thật, ngoài ra đều hư d8i." Lại có chủ trương: “Tụ* nẹã sau đời này, sanh ra không giới hạn, có tưởng, đây là thật, ngoài ra đều hư doi/9 Lại có chủ trương: "Tịt ngã sau đời này, sanh ra vừa có giới hạn vừa không giới hạn, có tưởng, đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: “Tịt ngã sau đời này, sanh ra không phải có giới hạn cũng không phải không giới hạn, có tưởng, đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: “Tự ngã sau đời này, sanh ra chỉ thuần có lạc, có tưởng,35 đây là thật, ngoài ra đều hư dối?9 Lại có chủ trương: “Tịt ngã sau đời này, sanh ra chỉ thuần có khổ, có tưởng/6 đây là thật, ngoài ra đều hư dối.n Lại có chủ trương: “Tự ngã sau đời này, sanh vào cõi vừa khổ vừa lạc, có tưởng, đây là thật, ngoài ra đều hư d6i.'' Lại có chủ trương: “Tịt ngã sau đời này, sanh ra không phải khổ, không phải lạc, có tưởng, đây là thật, ngoài ra đều hư dối?9 Lại có chủ trương: "Tự ngã sau đời này, sanh ra có một tưởng,37 đây là thật, ngoài ra đều hư d6i.” Lại có chủ trương: "Tụ* ngã sau đời này, sanh ra có nhiều tưởng,38 đây là thật, ngoài ra đều hư dối.,, Lại có chủ trương: "Tịt ngã sau đời này, sanh có ít tưởng,39 đây là thật, ngoài ra đều hư dối.,, Lại có chủ trương: "Tự ngã sau đời này, sanh ra có vô lượng tưởng,40 đây là thật, ngoài ra đều hư d6i."

35 Nguyên tác: Nhất hướng lạc hữu tưởng .
36 Nguyên tác: Nhất hướng hữu khổ .
37 Nguyên tác: Hữu nhất tưởng .
38 Nguyên tác: Hữu nhược can tưởng .
39 Nguyên tác: Hữu thiểu tưởng .

40 Nguyên tác: Hữu vô lượng tưởng .
810 KINH TRƯỜNG A-HÀM

ĐÓ là mười sáu luận thuyết mà các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào mạt kiếp mạt kiến rồi chủ trương Hữu tưởng luận, cho rằng thế giới là có tưởng, bao gồm mười sáu luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Chỉ có Như Lai mới biết rõ ngọn nguồn của những luận thuyết trên, cũng lại như vậy. [0092C10] Lại còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu. Đó là pháp gì? CÓ các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào mạt kiêp mạt kiên roi chủ trương Vô tưởng luận, cho rằng thế giới là không có tưởng và tất cả những luận thuyết ấy bao gồm trong tám luận thuyết. Dựa vào mạt kiếp mạt kiến rồi chủ trương VÔ tưởng luận, bao gôm trong tám luận thuyêt, trong giới hạn đó không thê vượt qua. Các Sa-môn9 Bà-la-môn kia do nguyên nhân nào mà dựa vào mạt kiếp mạt kiên roi chủ trương Vô tưởng luận, cho răng thê giới là không có tưởng, bao gồm trong tám luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua? Các Sa-môn9 Bà-la-môn đó có luận thuyết như vầy, quan điểm như vầy: "Tịt ngã sau đời này, sanh ra có sắc, không có tưởng, đây là thật, ngoài ra đều hư d6i.“ Lại có chủ trương: "Tịt ngã sau đời này, sanh ra không có sắc, không có tưởng, đây là thật, ngoài ra đều hư dối.,^ Lại có chủ trương: "Tịt ngã sau đời này, sanh ra vừa có sắc vừa không sắc, không có tưởng, đây là thật, ngoài ra đều hư d8i." Lại có chủ trương: "Tịt ngã sau đời này, sanh ra không phải có sắc, cũng r y r không phải không có sác, không có tưởng, đây là thật, ngoài ra đêu hư d6i." Lại có chủ trương: "Tự ngã sau đời này, sanh ra có giới hạn, không có tưởng, đây là thật, ngoài ra đều hư dối?9 Lại có chủ trương: "Tụ* ngã sau đời này, sanh ra không có giới hạn, không có tưởng, đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: “Tịt ngã sau đời này, sanh ra vừa có giới hạn vừa không có giới hạn, không có tưởng, đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: "Tịt ngã sau đời này, sanh ra không phải có giới hạn không phải không có giới hạn, không có tưởng, đây là thật, ngoài ra đều hư dối.^, Đó là tám luận thuyết mà các Salmon, Bà-la-môn dựa vào mạt kiếp mạt kiên roi chủ trương Vô tưởng luận, cho răng thê giới là không có tưởng. Tát cả đều bao gồm trong tám luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Chỉ có Như Lai mới biết rõ những luận thuyết trên, cũng lại như vậy. [0092c27] Lại còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu để cho các đệ tử Hiền thánh tán thán Như Lai chân thật, bình đẳng. Đó là pháp gì?

21. KINH PHẠM ĐỘNG 811

Hoặc có các Sa-môn5 Bà-la-môn dựa vào mạt kiếp mạt kiến rồi chủ trương Phi tưởng phi phi tưởng luận, cho rằng thế giới này là không phải có tưởng không phải không có tưởng. Những chủ trương này đêu bao gôm trong tám luận thuyết. Chủ trương Phi tưởng phi phi tưởng luận rồi dựa vào mạt kiếp mạt kiến cho rằng thế giới không phải có tưởng không phải không có tưởng bao gồm trong tám luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Các Sa-môn, Bà-la-môn kia do nguyên nhân gdựa vào mạt kiếp mạt kiến rồi chủ trương Phi tưởng phi phi tưởng luận, cho rằng thế giới này là không phải có tưởng không phải không có tưởng và tất cả bao gồm trong tám luận thuyết, trong giới hạn trong đó, không thể vượt qua? Các Sa-môn, Bà-la-môn có luận thuyêt

như vây, quan diêm như vây: "Tự ngã sau đời này, sanh ra có sắc, không phải có tưởng không phải không có tưởng, đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: "Tịt ngã sau đời này, sanh ra không có sắc, không phải có tưởng không phải không có tưởng, đây là thật, ngoài ra đều hư d6i.” Lại có chủ trương: "Tụ* ngã sau đời này, sanh ra vừa có sắc vừa không có sắc, không phải có tưởng không phải không có tưởng, đây là thật, ngoài ra đều hư dối/9 Lại có chủ trương: “Tự ngã sau đời này, sanh ra không phải có sắc không phải khônẹ có sắc, không phải có tưởng không phải không có tưởng, đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: "Tịt ngã sau đời này, sanh ra có giới hạn, không phải có tưởng không phải không có tưởng, đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: "Tự ngã sau đời này, sanh ra không có giới hạn, không phải có tưởng không phải không có tưởng, đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: "Tự ngã sau đời này, sanh ra vừa có giới hạn vừa không có giới hạn, không phải có tưởng không phải không có tưởng, đây là thật, ngoài ra đêu hư d6i." Lại có chủ trương: "Tụ* ngã sau đời này, sanh ra không phải có giới hạn không phải không có giới hạn, không phải có tưởng không phải không có tưởng, đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." ĐÓ là tám luận thuyêt mà các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào mạt kiêp mạt kiên roi chủ trương Phi hữu tưởng phi vô tưởng luận, cho răng thê giới này không phải có tưởng không phải không có tưởng, tất cả bao gồm tám luận thuyết này, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Chỉ có Như Lai mới biết rõ ngọn nguồn của những luận thuyết trên, cũng lại như vậy. [0093al9] Lại còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu để cho các đệ tử Hiền thánh có thể tán thán Như Lai chân thật, bình đẳng. Đó là pháp gì?

812 . KINH TRƯỜNG A-HÀM

r .L .L A •

CÓ những Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào mạt kiêp mạt kiên roi chủ trương Đoạn diệt luận,41 cho rằng chúng sanh bị đoạn diệt hoàn toàn, tất cả bao gồm trong bảy luận thuyết. Dựa vào mạt kiếp mạt kiến rồi chủ trương Đoạn diệt luận, cho rằng chúng sanh bi đoạn diệt hoàn toàn, bao gồm trong bảy luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Các Sa-môn, Bà-la-môn đó do nguyên nhân gì mà dựa vào mạt kiếp mạt kiến roi chủ trương Đoạn diệt luận, cho rang chúng sanh bị đoạn diệt hoàn toàn, bao gom trong bảy luận thuyết, trong giới hạn đó không the vượt qua? CÓ những Sa-môn, Bà-la-môn có luận thuyêt như vây, có quan diêm như vầy: "Bản ngã với xác thân bốn đại, sáu căn là do cha mẹ sanh ra, do bú mớm nuôi dưỡng, được trưởng thành nhờ áo cơm, nâng niu, bồng ẵm nhưng là vô thường, chắc chắn phải đi đến chỗ hoại diet", cho đến giới hạn ấy, gọi là đoạn diệt. Đây là luận thuyết thứ nhất. Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn có chủ trương răng: "Bản ngã này không thê i là đoạn diệt. Cái bản ngã cõi trời Dục giới42 mới đoạn diệt hoàn toàn, cho n giới hạn ấy, gọi là đoạn diet.” Đây là luận thuyết thứ hai. Hoặc có Sa-môn5 Bà-la-môn có chủ trương: "B6 không phải là đoạn diệt. Bản ngã cõi sắc giới, có thân hóa sanh, các căn đầy đủ, đoạn diệt hoàn toàn không còn gì, cho đến giới hạn ấy, gọi là đoạn diet." Có người chủ trương: "Đó không phải là đoạn diệt. Cái bản ngã cõi Vô sắc, ở Không Vô Biên Xứ mới đoạn diet.” Có người chủ trương: UĐÓ không phải là đoạn diệt. Cái bản ngã cõi Vô sắc, thuộc Thức Vô Biên Xứ

mới đoạn diet." Có người chủ trương: "D6 không phải là đoạn diệt. Cái bản ngã cõi Vô sắc, thuộc Vô Sở Hữu Xứ mới đoạn diet." Có người chủ trương: "Đó không phải là đoạn diệt. Cái bản ngã cõi Vô sắc, ở Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ mới đoạn diet.” Đây là đoạn diệt thứ bảy. Đó là bảy luận thuyết mà các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào mạt kiếp mạt kiến rồi chủ trương các loại chúng sanh bị đoạn diệt hoàn toàn, bao gồm trong r 9

bảy luận thuyêt, trong giới hạn đó không thê vượt qua. Chỉ có Như Lai mới biêt rõ ngọn nguôn của những luận thuyêt trên, cũng lại như vậy. [0093010] Lại còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu để cho đệ tử Hiền thánh tán thán Như Lai chân thật, bình đẳng. Đó là pháp gì?

41 Đoạn diệt luận Ucchedavādā'. Chủ nghĩa Hư vô, chủ trương chết là hết. 42 Nguyên tác: Ngã dục giới thiên .Tham chiếu: D. 1: Añño attā dibbo rūpī kāmāvacaro kabalinkārāhārabhakkho Có tự nga khác, thuốc thiên giới, ở Dục giới, có sắc, ăn bằng đoàn thực. Tức chỉ tự ngã của chư thiên thuộc Dục giới.

21. KINH PHẠM ĐỘNG 813

Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào mạt kiếp mạt kiến rồi chủ trương Hiện tại Niết-bàn luận,43 cho rằng chúng sanh đạt được Niết-bàn trong hiện tại, bao gôm trong năm luận thuyêt. Dựa vào mạt kiêp mạt kiên roi họ chủ trương Hiện tại Niêt-bàn luận, bao gôm trong năm luận thuyêt, trong giới hạn đó không thê vượt qua. Các Sa-môn, Bà-la-môn kia vì nguyên nhân gì mà dựa vào mạt kiếp mạt kiến rồi chủ trương chúng sanh đạt được Niết-bàn trong hiện tại, bao gồm trong năm luận thuyêt, trong giới hạn đó không thê vượt qua? Các Sa-môn, Bà-la-môn đó có luận thuyết như vầy, quan điểm như vầy: “Nếu trong hiện tại được thỏa mãn năm dục thì ta đạt được Hiện tại Niếtbàn.” Đây là luận thuyết thứ nhất. Lại có các Sa-môn, Bà-la-môn cho răng: "E6 đúng là Hiện tại Niêt-bàn, chứ không phải không đúng nhimg còn có một loại Niết-bàn vi diệu bậc nhất hơn nữa mà các ông chưa biết, chỉ riêng mình ta biết. Đó là, nếu ta lìa bỏ dục và các pháp bất thiện, có giác, có quán, cùng với hỷ, lạc được sanh ra do sự viễn ly, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, đó là Hiện tại Niet-ban?9 Đây là luận thuyết thứ hai. Lại có các Sa-môn9 Bà-la-môn chủ trương rằng: "Đó đúng là Hiện tại Niết- bàn, chứ không phải không đúng nhưng còn có một loại Niết-bàn vi diệu bậc nhất hơn nữa mà các ông chưa biết, chỉ riêng mình ta biết. Đó là, lìa bỏ giác và quán, trong tâm bình đẳng thanh tinh, có hỷ, lạc do định sanh, chứng đạt và an tru Thiền thứ hai, không giác không quán. Cho đến giới hạn này mới gọi là Hiện tại Niếtban." Đây là luận thuyết thứ ba. Lại có các Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương: "D6 đúng là Hiện tại Niết-bàn, chứ không phải không đúng nhưng còn có một loại Niết-bàn vi diệu bậc nhất hơn nữa mà các ông chưa biết, chỉ riêng mình ta biết. Đó là, nếu lìa bỏ hỷ, an trú xả, với chánh niệm và tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba, điều mà bậc Thánh gọi là lạc tru trong xả và có chánh niệm. Cho đến giới hạn này mới gọi là Hiện tại Niết-bàn.,^ Đây là luận thuyết thứ tư. Lại có các Sa-môn9 Bà-la-môn chủ trương: "Đó đúng là Hiện tại Niết-bàn, chứ không phải không đúng nhưng còn có một loại Niêt-bàn vi diệu bậc nhát hơn nữa mà các ông chưa biết, chỉ riêng mình ta biết. Đó là, nếu ta đã diệt trừ ưu và hỷ trước đó, nên buông bỏ cả khô và vui, chứng đạt và an tru Thiên thứ tư, một trạng thái

không khổ không vui, gọi là xả niệm thanh tịnh thì đó mới gọi là Niết-bàn bậc nhất.” Đây là luận thuyết thứ năm. Nêu có các Sa-môn? Bà-la-môn nào dựa vào mạt kiếp mạt kiến rồi chủ trương Hiện tại Niêt-bàn luận như thê, đêu bao gôm trong năm luận thuyêt, trong giới hạn đó không thể vượt qua.

43 Nguyên tác: Hiện tại Nê-hoàn luận ,Ditthadhammanibbānavādā.

Chỉ CÓ Như Lai mới biết rõ ngọn nguồn của những luận thuyết trên, cũng lại như vậy. [0093c09] Có các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào mạt kiếp mạt kiến rồi tự ý lập M . k 7 Ma,. H thuyết với vô sô luận thuyêt và tát cả những luận thuyêt đó bao gôm trong bôn mươi bốn luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Chỉ có Như Lai mới biết rõ ngọn nguồn của những luận thuyết trên, cũng lại như vậy. Có các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bôn kiêp bôn kiên và mạt kiêp mạt kiên rồi tự ý lập thuyết với vô số luận thuyết. Tất cả những luận thuyết đó đều bao gồm trong sáu mươi hai luận thuyết. Trong vô số những luận thuyết dựa vào bổn kiếp bổn kiến và mạt kiếp mạt kiến do họ tự ý lập nên thì tất cả đều bao gồm trong sáu mươi hai luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Chỉ có Như Lai mới biết rõ ngọn nguồn của những luận thuyết trên, cũng lại như vậy. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bôn kiêp bôn kiên roi chủ trương Thường luận, cho rằng: "Bản ngã và thế giới luôn thường cbn." Các Sa-môn, Bà-la-môn kia ở nơi đó mà phát sanh trí. Nghĩa là, do niềm tin khác biệt, ước muốn khác biệt, học tập khác biệt, thân cận khác biệt, hiểu biết khác biệt, nhận thức khác biệt, thiền định khác biệt, kham nhẫn khác biệt, họ nhân đó mà phát sanh trí. Các vị ấy vì hiện tại mong cầu nên bị chấp thủ,44... cho đến Hiện tại Niết-bàn cũng như thế. Các Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Thường tru luận, cho rằng thế giới luôn thường còn. Các vị ây doe rnhân r mà sanh khởie ái, sanh khởi duyên châp thủ .v. r ái roi mà tự mình không hay biêt nên bị vướng măc vào tham ái, bi tham ái chê ngự,... cho đến Hiện tại Niết-bàn cũng như thế. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bổn kiếp bổn kiến chủ trương Thường trủ luận, cho răng thê giới luôn thường còn. Họ lây xúc làm điêu kiện, nêu lìa điêu kiện xúc này thì chủ trương kia bất thành,... cho đến Hiện tại Niết-bàn cũng như thế. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bổn kiếp bổn kiến và mạt kiếp mạt kiến, môi người tùy theo nhận thức của mình mà lập thuyêt, tát cả đêu bao gôm trong sáu mươi hai luận thuyêt. Môi người tự ý lập thuyêt, tát cả đêu ở trong đây, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Cũng như người đánh cá lành nghê, dùng lưới đánh cá có lô nhỏ, phủ trùm lên trên cái ao nhỏ thì có thê biêt răng những loài thủy tộc ở trong ao đó đêu bị măc vào trong lưới, không có chô trôn thoát, không thê vượt ra ngoài được. r r 9 \ • L <2 f Các Sa-môn, Bà-la-môn cũng giông như thê. Họ dựa vào bôn kiêp bôn kiên và

44 Nguyên tác: Thọ (),dùng như "thủ” (,upãdãnà)'. Chấp trước.

.M . A M, / q , mạt kiêp mạt kiên với vô sô luận thuyêt khác nhau và tát cả bao gôm trong sáu mươi hai luận thuyết này, trong giới hạn đó không thể vượt qua. [0094a03] Nấu vị Tỳ-kheo đối với sáu xúc, biết rõ như thật sự tập khởi, sự đoạn diệt, vi

ngọt, sự nguy hiêm và sự xuât ly thì vi Tỳ-kheo đó là người tôi thắng, vượt ra ngoài những kiến giải trên. Như Lai tự biết sanh tử đã chấm dứt nhưng Như Lai sở dĩ hiện thân vì muốn làm phước độ cho trời và người. Nếu Như Lai không hiện thân thì trời và người không có nơi nương tựa. Như cây ta-la bị gãy đọt thì không thể sống lại được, Ta cũng thê, đã đoạn trừ sanh tử roi thì không còn sanh lại nữa. Khi đức Phật thuyết giảng pháp này, đại thiên thế giới ba lần rung chuyển r r 5 A với sáu cách chân động. Bây giờ, Tôn giả A-nan đứng sau đang câm quạt hâu Phật, sửa áo bày vai phải roi quỳ xuồng bạch đức Phật răng: Pháp này rất sâu xa, làm sao để gọi tên và làm sao để phụng trì pháp này? Đức Phật dạy: Này A-nan? kinh này nên gọi là Nghĩa động. Pháp động, Kiến động. Ma động và Phạm động. Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe đức Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.45

45 Bản Hán, hết quyển 14.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.